



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

**Các văn bản thành lập** Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
	Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên
	Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Và Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

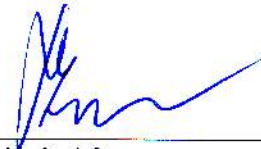
Báo cáo soát xét số: 18-02-137-SX-HN



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2018



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.397.987.558.185</b>	<b>1.526.155.843.679</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>73.477.248.846</b>	<b>70.740.984.092</b>
Tiền	111		73.477.248.846	70.740.984.092
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>823.850.000.000</b>	<b>953.610.000.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.160.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	822.400.000.000	951.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>340.022.915.113</b>	<b>324.914.017.091</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	303.955.818.704	290.256.557.376
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.080.967.180	3.445.178.829
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	38.721.153.794	40.521.918.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(8.822.839.330)	(9.309.637.191)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		87.814.765	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>127.126.228.084</b>	<b>147.138.062.837</b>
Hàng tồn kho	141		130.781.489.874	150.149.534.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.655.261.790)	(3.011.471.353)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.511.166.142</b>	<b>29.752.779.659</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.359.120.013	2.757.611.666
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.012.930.872	24.436.178.505
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	139.115.257	2.558.989.488

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>753.519.081.582</b>	<b>782.030.632.761</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>534.176.294</b>	<b>632.941.246</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	354.626.886	453.391.838
Phải thu dài hạn khác	216		179.549.408	179.549.408
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>424.038.940.822</b>	<b>440.741.618.121</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	373.506.640.932	390.539.806.739
Nguyên giá	222		838.505.903.325	826.946.105.553
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(464.999.262.393)	(436.406.298.814)
Tài sản cố định vô hình	227	15	50.532.299.890	50.201.811.382
Nguyên giá	228		62.371.355.592	61.966.355.592
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.839.055.702)	(11.764.544.210)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>7.282.587.875</b>	<b>7.373.884.541</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.760.577.390)	(1.669.280.724)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.298.842.761</b>	<b>6.328.932.989</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	5.298.842.761	6.328.932.989
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>316.364.533.830</b>	<b>326.953.255.864</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	311.168.648.878	320.819.638.616
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.195.884.952	6.133.617.248
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.151.506.639.767</b>	<b>2.308.186.476.440</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

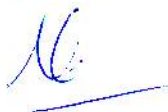
**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.371.349.820.087</b>	<b>1.517.053.326.710</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.226.526.312.577</b>	<b>1.366.706.698.187</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	173.128.953.083	202.650.702.339
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.577.924.522	3.876.119.382
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	17.729.535.533	16.369.531.764
Phải trả người lao động	314		42.048.224.720	67.813.237.655
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.381.374.747	3.752.759.506
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29.958.190	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	14.112.363.697	11.432.744.592
Vay ngắn hạn	320	22	960.807.470.496	1.040.583.668.444
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	16.884.544.931
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	4.710.507.589	3.343.389.574
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>144.823.507.510</b>	<b>150.346.628.523</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	144.823.507.510	150.346.628.523
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>780.156.819.680</b>	<b>791.133.149.730</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>780.156.819.680</b>	<b>791.133.149.730</b>
Vốn cổ phần	411	25	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	91.921.802.575	33.880.747.127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.749.956.936	139.521.149.338
- Lũy kế đến cuối kỳ/năm trước	421a		(2.291.815.238)	(2.613.010.794)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		78.041.772.174	142.134.160.132
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.108.380.169	14.354.573.265
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.151.506.639.767</b>	<b>2.308.186.476.440</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>1.587.915.790.638</b>	<b>1.416.291.814.318</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>29</b>	<b>17.515.829.848</b>	<b>13.157.277.338</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>1.570.399.960.790</b>	<b>1.403.134.536.980</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>1.248.620.965.778</b>	<b>1.104.942.553.143</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>321.778.995.012</b>	<b>298.191.983.837</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	30.885.318.985	27.811.553.846
Chi phí tài chính	22	32	27.434.307.881	23.130.797.313
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.077.234.061</i>	<i>21.740.957.953</i>
Chi phí bán hàng	25	33	165.620.557.663	157.850.445.565
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	57.411.636.963	54.423.598.107
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>102.197.811.490</b>	<b>90.598.696.698</b>
Thu nhập khác	31		820.214.590	683.403.275
Chi phí khác	32		310.547.152	552.391.341
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>509.667.438</b>	<b>131.011.934</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>102.707.478.928</b>	<b>90.729.708.632</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>36</b>	<b>21.195.364.946</b>	<b>18.693.759.929</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>36</b>	<b>937.732.296</b>	<b>637.884.269</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>80.574.381.686</b>	<b>71.398.064.434</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		78.041.772.174	66.325.143.600
Cổ đông không kiểm soát	62		2.532.609.512	5.072.920.834
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.293	1.099

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018  
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>102.707.478.928</b>	<b>90.729.708.632</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	31.129.222.627	34.447.792.912
Các khoản dự phòng	03	(15.567.552.355)	(17.447.722.537)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	494.261.950	141.682.812
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(30.104.741.964)	(25.254.748.112)
Chi phí lãi vay	06	25.077.234.061	21.740.957.953
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>113.735.903.247</b>	<b>104.357.671.660</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(25.724.645.634)	(23.754.227.776)
Biến động hàng tồn kho	10	19.368.044.316	17.227.180.789
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(47.032.256.540)	(15.852.172.266)
Biến động chi phí trả trước	12	7.562.465.964	(564.059.220)
		<b>67.909.511.353</b>	<b>81.414.393.187</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.213.736.172)	(21.570.470.828)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.566.809.443)	(16.024.699.987)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.729.589.243)	(10.016.539.950)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.399.376.495</b>	<b>33.802.682.422</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(18.025.335.318)	(32.964.989.740)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	110.552.575	339.906.954
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(624.400.000.000)	(499.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	753.000.000.000	397.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	38.861.016.539	40.771.335.054
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>149.546.233.796</b>	<b>(93.853.747.732)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.070.211.034.218	1.007.989.212.722
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.149.987.232.166)	(864.078.169.849)
Tiền trả cổ tức	36	(78.432.884.038)	(80.233.040.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(158.209.081.986)</b>	<b>63.678.002.073</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>2.736.528.305</b>	<b>3.626.936.763</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>70.740.984.092</b>	<b>60.349.158.480</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(263.551)</b>	<b>257.764</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>73.477.248.846</b>	<b>63.976.353.007</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởngVũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí đầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2018: 6 công ty con) như sau:

		30/6/2018 và 1/1/2018	
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty và các công ty con có 1.064 nhân viên (1/1/2018: 1.117 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyên khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ Tài sản khác	3 - 5 năm

#### **(h) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

##### **(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

#### **(i) Bất động sản đầu tư**

##### ***Bất động sản đầu tư cho thuê***

###### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

###### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Quyền sử dụng đất	48 năm
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Vô bình gas**

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vô bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vô bình gas được nhận. Theo đó, vô bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

**(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí đền bù đất phát sinh liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê cho các hoạt động sản xuất và gia công. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất là 45 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá mua trừ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

#### **(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

#### **4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	6.461.767.315	7.265.497.129
Tiền gửi ngân hàng	66.792.992.651	63.429.485.963
Tiền đang chuyển	222.488.880	46.001.000
	<hr/>	<hr/>
	73.477.248.846	70.740.984.092

**9. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	<b>Số lượng</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2018</b> <b>Giá trị</b> <b>hợp lý</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>giảm giá</b> <b>VND</b>
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.450.000.000	(1.160.000.000)
			<b>1/1/2018</b> <b>Giá trị</b> <b>hợp lý</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>giảm giá</b> <b>VND</b>
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	-

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2018</b> <b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị hợp lý</b> <b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	822.400.000.000	840.136.154.445

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>1/1/2018</b>
	<b>Giá gốc VND</b>
	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	951.000.000.000 977.347.180.555

**10. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	303.955.818.704	290.256.557.376
Dài hạn	354.626.886	453.391.838
	<u>304.310.445.590</u>	<u>290.709.949.214</u>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	55.681.944.996	59.192.074.255

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	17.736.154.445	26.347.180.555
Phải thu người lao động	2.189.542.288	4.672.569.192
Phải thu ngắn hạn khác	18.795.457.061	9.502.168.330
	<u>38.721.153.794</u>	<u>40.521.918.077</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2018			1/1/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH ITG – Phong Phú	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-	Trên 5 năm	2.467.346.164	(2.467.346.164)	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-	Trên 5 năm	1.751.495.029	(1.751.495.029)	-
Công ty TNHH Sản xuất Xi măng chuyên dụng Việt Nam	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-	Trên 5 năm	1.242.815.533	(1.242.815.533)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	106.500.437	(31.950.131)	74.550.306	Từ 6 tháng đến 1 năm	54.299.491	(16.289.846)	38.009.645
Các khách hàng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	50.587.925	(25.293.962)	25.293.963	Từ 1 năm đến 2 năm	160.037.224	(80.018.612)	80.018.612
Các khách hàng khác	Từ 2 năm đến 3 năm	37.748.202	(26.423.741)	11.324.461	Từ 2 năm đến 3 năm	281.895.895	(197.327.127)	84.568.768
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	3.277.514.770	(3.277.514.770)	-	Trên 3 năm	3.554.344.880	(3.554.344.880)	-
		<b>8.934.008.060</b>	<b>(8.822.839.330)</b>	<b>111.168.730</b>		<b>9.512.234.216</b>	<b>(9.309.637.191)</b>	<b>202.597.025</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi  
– ngắn hạn

(8.822.839.330)

(9.309.637.191)



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Hàng tồn kho**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	15.453.083.926	-	30.273.082.158	-
Nguyên vật liệu	43.533.064.912	(3.212.058.748)	42.531.573.811	(3.011.471.353)
Công cụ và dụng cụ	1.433.374.000	-	230.742.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.682.047.715	-	4.162.433.480	-
Thành phẩm	1.856.389.973	-	749.564.232	-
Hàng gửi đi bán	-	-	938.903.332	-
Hàng hóa	64.823.529.348	(443.203.042)	71.263.235.177	-
	<hr/>		<hr/>	
	130.781.489.874	(3.655.261.790)	150.149.534.190	(3.011.471.353)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 4.378 triệu VND nguyên vật liệu và 25.843 triệu VND hàng hóa (1/1/2018: 4.302 triệu VND nguyên vật liệu và 0 VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	460.278.119.820	251.228.788.049	100.960.547.097	10.912.258.415	3.566.392.172	826.946.105.553
Tăng trong kỳ	182.382.727	830.499.388	-	446.563.818	-	1.459.445.933
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang (Thuyết minh 17)	3.185.575.200	4.420.727.771	3.946.728.182	-	92.044.000	11.645.075.153
Thanh lý	-	(1.137.485.132)	(407.238.182)	-	-	(1.544.723.314)
Số dư cuối kỳ	463.646.077.747	255.342.530.076	104.500.037.097	11.358.822.233	3.658.436.172	838.505.903.325
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	215.736.617.443	149.439.568.077	59.017.147.873	9.991.952.428	2.221.012.993	436.406.298.814
Khấu hao trong kỳ	8.925.937.174	16.235.127.059	4.391.482.674	253.049.852	76.289.094	29.881.885.853
Thanh lý	-	(1.137.485.132)	(151.437.142)	-	-	(1.288.922.274)
Số dư cuối kỳ	224.662.554.617	164.537.210.004	63.257.193.405	10.245.002.280	2.297.302.087	464.999.262.393
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	244.541.502.377	101.789.219.972	41.943.399.224	920.305.987	1.345.379.179	390.539.806.739
Số dư cuối kỳ	238.983.523.130	90.805.320.072	41.242.843.692	1.113.819.953	1.361.134.085	373.506.640.932

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 96.579 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 101.069 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 10.864 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	51.414.779.956	10.551.575.636	61.966.355.592
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	405.000.000	-	405.000.000
Số dư cuối kỳ	51.819.779.956	10.551.575.636	62.371.355.592
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.173.764.002	9.590.780.208	11.764.544.210
Khấu hao trong kỳ	57.511.494	16.999.998	74.511.492
Số dư cuối kỳ	2.231.275.496	9.607.780.206	11.839.055.702
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	49.241.015.954	960.795.428	50.201.811.382
Số dư cuối kỳ	49.588.504.460	943.795.430	50.532.299.890

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 10.450 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 10.450 triệu VND).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.229.070.001	440.210.723	1.669.280.724
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.298.640.001	461.937.389	1.760.577.390
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	5.728.335.469	1.645.549.072	7.373.884.541
Số dư cuối kỳ	5.658.765.469	1.623.822.406	7.282.587.875

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	6.328.932.989	5.742.178.561
Tăng trong kỳ	11.019.984.925	15.907.999.650
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	(11.645.075.153)	(10.931.887.048)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 15)	(405.000.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.298.842.761</b>	<b>10.718.291.163</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công trình trạm nạp LPG Suối Dầu - Khánh Hòa	3.831.513.227	-
Máy móc thiết bị	410.664.600	4.519.070.023
Công trình văn phòng Cần Thơ	144.378.182	144.378.182
Nhà máy LPG Sài Gòn	-	1.355.620.000
Khác	912.286.752	309.864.784
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.298.842.761</b>	<b>6.328.932.989</b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Vô bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	272.695.920.164	27.151.850.494	20.971.867.958	320.819.638.616
Tăng trong kỳ	22.700.032.127	594.513.189	599.349.727	23.893.895.043
Phân bổ trong kỳ	(28.899.704.006)	(1.081.528.616)	(2.565.215.304)	(32.546.447.926)
Thanh lý	(791.232.837)	-	-	(791.232.837)
Giảm khác	-	(74.254.671)	(132.949.347)	(207.204.018)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>265.705.015.448</b>	<b>26.590.580.396</b>	<b>18.873.053.034</b>	<b>311.168.648.878</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	36.979.817.563	31.021.161.135
Công ty TNHH EI Corporation	56.759.263.798	51.551.157.800
PTT International Trading PTE Ltd	52.334.646.129	57.798.169.926
SK Gas Co., Ltd	-	38.536.825.340
Các nhà cung cấp khác	27.055.225.593	23.743.388.138
	<hr/>	<hr/>
	173.128.953.083	202.650.702.339

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.912.687.906	1.216.202.178

Khoản phải trả người bán đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018		Số phát sinh trong kỳ		Số bù trừ/đã nộp trong kỳ		30/6/2018	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.868.610.149	297.668.097.062	(298.126.599.678)	-	2.410.107.533	-	2.410.107.533
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(878.511.695)	-	92.312.107.883	(91.433.596.188)	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.923.298)	12.292.597.260	21.195.364.946	(20.565.829.443)	-	12.907.209.465	-	12.907.209.465
Thuế thu nhập cá nhân	(1.659.392.683)	736.514.300	7.512.108.013	(5.144.642.936)	(122.846.223)	1.567.432.917	(122.846.223)	1.567.432.917
Thuế nhập khẩu	(6.161.812)	290.937.055	40.138.598.135	(39.759.286.794)	(16.269.034)	680.355.618	(16.269.034)	680.355.618
Thuế khác	-	180.873.000	264.756.420	(281.199.420)	-	164.430.000	-	164.430.000
	(2.558.989.488)	16.369.531.764	459.091.032.459	(455.311.154.459)	(139.115.257)	17.729.535.533	(139.115.257)	17.729.535.533

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.675.659.468	1.565.190.026
Cổ tức phải trả	305.023.220	290.919.620
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	300.260.342	318.647.560
Phải trả ngắn hạn khác	11.831.420.667	9.257.987.386
	<hr/>	<hr/>
	14.112.363.697	11.432.744.592

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**22. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2018</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>30/6/2018</b>
	<b>Giá trị</b> <b>ghi sổ và sổ có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Giá trị</b> <b>ghi sổ và sổ có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Vay ngắn hạn	1.040.583.668.444	1.070.211.034.218	(1.149.987.232.166)	960.807.470.496

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b> <b>tiền</b>	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	VND	313.257.464.420	291.119.216.237
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (ii)	VND	182.161.944.476	295.716.578.405
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	VND	177.283.062.397	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iv)	VND	108.135.802.443	185.497.464.580
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (v)	VND	85.728.155.988	54.432.100.190
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	VND	84.741.040.772	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM (vii)	VND	9.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	-	213.818.309.032
		<hr/>	<hr/>
		960.807.470.496	1.040.583.668.444



## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 190/2017-HĐCVHM/NHCT126 ký ngày 23 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng quy định trên từng giấy nhận nợ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số VHN 150784 ký ngày 7 tháng 4 năm 2015 theo hình thức vay vô thời hạn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2017/1230718/HĐTD ký ngày 27 tháng 6 năm 2017, kèm theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 6 năm 2018. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số KHPGC160108/HĐCTD.VCB, phụ lục số 0217/SĐCTD/PGC-VCB ký ngày 22 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 20 tháng 3 năm 2018. Đây là khoản vay tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 130000641398 ký ngày 11 tháng 4 năm 2017. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Đây là khoản vay tín chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng số 180406/18/HDHM/VPB-GASPETROLIMEX ký ngày 3 tháng 4 năm 2018. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 3 tháng 4 năm 2019. Đây là khoản vay tín chấp.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM theo Hợp đồng số 0213/KHDN1/16NH ký ngày 15 tháng 12 năm 2016 kèm theo HĐ sửa đổi bổ sung ký ngày 11 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Hạn mức vay vốn: 20 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 60 tháng. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 27 hàng tháng. Các hợp đồng vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM còn hạn mức được đảm bảo bởi một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 10.864 triệu VND (Thuyết minh 14).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.343.389.574	3.251.510.537
Trích lập trong kỳ	12.096.707.258	12.111.473.337
Sử dụng trong kỳ	(10.729.589.243)	(10.016.539.950)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.710.507.589	5.346.443.924

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2017</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	20.254.199.280	94.743.410.308	14.050.703.210	732.424.992.798
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	66.325.143.600	5.072.920.834	71.398.064.434
Phân bổ vào các quỹ	-	-	13.328.770.766	(13.328.770.766)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.322.731.255)	(788.742.082)	(12.111.473.337)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(72.407.142.000)	(7.840.000.000)	(80.247.142.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2017</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	33.582.970.046	64.009.909.887	10.494.881.962	711.464.441.895
<b>Số dư tại ngày 1/1/2018</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	33.880.747.127	139.521.149.338	14.354.573.265	791.133.149.730
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	78.041.772.174	2.532.609.512	80.574.381.686
Phân bổ vào các quỹ	-	-	58.041.055.448	(58.041.055.448)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.364.767.128)	(731.940.130)	(12.096.707.258)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(72.407.142.000)	(7.046.862.478)	(79.454.004.478)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2018</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	91.921.802.575	75.749.956.936	9.108.380.169	780.156.819.680

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2018 và 1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**26. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**27. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 72.407 triệu VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 72.407 triệu VND).

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Gas giữ hộ bên thứ ba	6.447.082.800	1.694.479.830

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Dó la Mỹ (“USD”)	920,49	21.097.631	548,84	12.447.552
Euro (“EUR”)	174,47	4.648.754	513,64	13.625.446
		25.746.385		26.072.998

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.565.842.516.661	1.393.288.265.977
▪ Cung cấp dịch vụ	5.317.641.714	6.985.413.869
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.809.522.818	1.812.246.545
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vô bình gas	14.946.109.445	14.205.887.927
	1.587.915.790.638	1.416.291.814.318
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(12.457.740.166)	(10.040.049.910)
▪ Hàng bán bị trả lại	(5.058.089.682)	(3.117.227.428)
	(17.515.829.848)	(13.157.277.338)
Doanh thu thuần	1.570.399.960.790	1.403.134.536.980

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.244.644.419.876	1.095.491.464.470
▪ Cung cấp dịch vụ	1.519.404.897	4.557.266.026
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.813.350.568	1.633.849.296
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	643.790.437	3.259.973.351
	<hr/>	<hr/>
	1.248.620.965.778	1.104.942.553.143

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi	30.249.990.429	26.026.365.609
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	632.934.258	1.685.188.237
Cổ tức được chia	-	100.000.000
Khác	2.394.298	-
	<hr/>	<hr/>
	30.885.318.985	27.811.553.846

**32. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay	25.077.234.061	21.740.957.953
Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán	1.160.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	494.261.950	141.682.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	702.811.870	1.248.156.548
	<hr/>	<hr/>
	27.434.307.881	23.130.797.313

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	34.571.806.635	38.009.186.499
Chi phí khấu hao	2.359.996.553	2.124.257.410
Chi phí phân bổ vô hình gas	28.899.704.006	24.610.369.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.675.679.385	43.009.157.923
Chi phí bán hàng khác	52.113.371.084	50.097.474.256
	<hr/>	<hr/>
	165.620.557.663	157.850.445.565

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	32.032.108.265	28.806.748.879
Chi phí khấu hao	2.899.207.570	3.313.922.721
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(486.797.861)	(499.079.111)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.505.834.456	13.267.633.273
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.461.284.533	9.534.372.345
	<hr/>	<hr/>
	57.411.636.963	54.423.598.107

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	89.181.585.841	101.070.953.068
Chi phí nhân viên	99.361.569.450	96.730.687.977
Chi phí khấu hao	31.129.222.627	34.447.792.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.022.558.558	78.825.525.542
Chi phí khác	89.257.678.665	80.230.966.307

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	21.195.364.946	18.693.759.929
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	937.732.296	637.884.269
Chi phí thuế thu nhập	22.133.097.242	19.331.644.198

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	102.707.478.928	90.729.708.632
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	20.541.495.786	18.145.941.726
Thu nhập không bị tính thuế	-	(20.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	158.538.552	113.007.538
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	1.001.498.354	1.092.694.934
Biến động khác	431.564.550	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.133.097.242	19.331.644.198

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 78.041.772.174 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 66.325.143.600 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 60.339.285 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Lợi nhuận phân phối	37.925.158.800	37.925.158.800
<b>Các bên liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	31.217.882.400	25.373.972.400
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	20.073.229.682	15.954.473.058
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	21.527.221.200	19.068.271.450
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	17.218.857.528	15.555.270.500
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	19.363.306.850	16.776.706.000
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn</i>		
Bán hàng hóa	13.429.339.323	11.385.383.620

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Giá trị giao dịch**  
**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2018                      30/6/2017**  
**VND                                      VND**

<b>Công ty Xăng dầu Nghệ An</b> Bán hàng hóa	17.407.124.905	13.687.304.570
<b>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</b> Bán hàng hóa	15.268.802.600	13.789.000.600
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b> Bán hàng hóa	298.658.136.021	241.127.355.459
<b>Ban Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	1.663.620.114	1.760.503.907
<b>Hội đồng Quản trị</b> Lương và thưởng	896.137.146	981.071.255

**39. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Phan Quang Thành  
Kế toán tổng hợp



Đỗ Thị Vân Chi  
Kế toán trưởng



Vũ Hồng Khánh  
Tổng Giám đốc